

Bản án số: 12/2023/HS-ST

Ngày 06/4/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Đức Trưởng và ông Nguyễn Đức Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Kh Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2023/TLST- HS ngày 20 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Quang H (tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 30 tháng 3 năm 1982, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn Th, sinh năm 1952 và bà: Phạm Thị Y, sinh năm: 1952.

Vợ: Hà Thị Phương L, sinh năm 1983; Con: Có 03 con (lớn sinh năm: 2007, nhỏ sinh năm: 2019).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):

- Tại bản án số: 58/2006/HS - ST ngày 31/7/2006, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đã tuyên phạt Trần Quang H số tiền 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”. Ngày 19/8/2008, Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/01/2023, đến ngày 06/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Bá Kh (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 12 tháng 02 năm 1970, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Bá Ng (đã chết) và bà: Đỗ Thị M (đã chết);

Vợ: Đỗ Hải Y, sinh năm 1978; Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 1998, nhỏ sinh năm: 2003);

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):

- Tại bản án số: 101/2007/HSST ngày 28/11/2007, Tòa án nhân dân, tỉnh Phú Thọ đã tuyên phạt Trần Bá Kh 14 tháng Cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 3.000.000 VNĐ (ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”. Ngày 18/5/2009, Bị cáo đã thực hiện xong hình phạt bổ sung, tính đến thời điểm phạm tội, Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/01/2023, đến ngày 06/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Phạm Xuân V (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1962, tại huyện Ân Thi, tỉnh H Yên;

Nơi cư trú: Khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phạm Xuân Ch (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Ng (đã chết).

Vợ: Hoàng Thị Tr, sinh năm 1961; Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 1992, nhỏ sinh năm: 1998).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/01/2023, đến ngày 06/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Doãn Đình T (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 25 tháng 02 năm 1979, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh;
Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Doãn Đình Th (đã chết) và bà: Mai Thị B, sinh năm 1952;
Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 2005, nhỏ sinh năm: 2013).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/01/2023, đến ngày 06/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Đặng Vũ H1 (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1972, tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ĐKNKTT: Khu D, phường D, quận C, Thành Phố Hà Nội;

Nơi Tạm trú: Phòng 1103 C4, Ng, phường C, quận N, Thành Phố Hà Nội;

Nghề nghiệp: Nhà Báo; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Đoàn thể: Là đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam (ngày 13/01/2023, Đảng ủy Bộ Tư pháp có Quyết định số 435-QĐ-ĐU Đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Đặng Vũ H1.)

Con ông: Đặng Ngọc Ph, sinh năm 1949 và bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1951;

Vợ: Nguyễn Quỳnh Tr, sinh năm 1984; Con: Có 03 con (lớn sinh năm: 2006, nhỏ sinh năm: 2018).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/01/2023, đến ngày 06/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Vào 18 giờ, ngày 01/01/2023, Trần Quang H, Doãn Đình T, Trần Bá Kh và Đặng Vũ H1 cùng nhau ăn cơm tại nhà riêng của Phạm Xuân V thuộc khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, 05 (năm) người rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Sâm” ngồi tại phòng khách nhà Phạm Xuân V. Trước khi chơi các đối tượng thống nhất với nhau về hình thức và cách thức thanh toán cụ thể như sau:

Sử dụng bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài sau đó sẽ chia lần lượt cho những người chơi mỗi người 10 quân bài bất kỳ. Ván bài có người “Sâm” nghĩa là những người chơi không ai bắt được và phải trả cho người được sâm 150.000VNĐ/1 người và được chia bài và đánh bài của ván bài tiếp theo. Ván bài “Treo” nghĩa là người được cái đánh bài người ngồi sau không bắt được bài thì “Treo” và phải trả cho người đánh hết bài 100.000VNĐ/1 người. “Tứ quý” là ván bài của một người có 4 quân bài giống nhau thì chặt được quân 2 và người bị chặt quân 2 phải trả cho người có tứ quý 100.000VNĐ. Nếu ván bạc sau khi người đầu tiên đi bài thì người sau sẽ phải chặn bài với cây bài lớn hơn mà không có người sâm, người treo thì người nào đánh được hết bài trên tay thì người đó thắng ván bạc đó người thua sẽ trả cho người thắng tương ứng mỗi lá bài còn lại trên tay 5.000VNĐ/lá bài. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt.

Các đối tượng đánh bạc đến 21 giờ 15 phút thì Cơ quan CSĐT - Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 6.150.000VNĐ (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), 52 quân bài tứ lơ khơ, 01 chiếc chiếu nhựa màu nâu trắng đã qua sử dụng đồng thời đưa các đối tượng về trụ sở Công an huyện T để điều tra làm rõ.

Các Bị cáo khai nhận khi tham gia đánh bạc Kh có khoảng 1.900.000VNĐ (một triệu chín trăm nghìn đồng), T có khoảng 1.000.000VNĐ (một triệu đồng), H có khoảng 1.100.000VNĐ (một triệu một trăm nghìn đồng), V có khoảng 1.000.000VNĐ (một triệu đồng), H1 có khoảng 850.000VNĐ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền dùng đánh bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Ngày 05/01/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã quyết định khởi tố vụ án hình sự; khởi tố Bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với: Phạm Xuân V, Trần Quang H, Doãn Đình T, Trần Bá Kh và Đặng Vũ H1 về hành vi: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm

2017 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015) để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

3. *Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:*

Tại Bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-TS ngày 20/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các Bị cáo: Phạm Xuân V, Trần Quang H, Doãn Đình T, Trần Bá Kh và Đặng Vũ H1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS năm 2015 đối với các Bị cáo Doãn Đình T, Đặng Vũ H1.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS năm 2015 đối với Bị cáo Phạm Xuân V.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với các Bị cáo Trần Quang H và Trần Bá Kh.

- Xử phạt các Bị cáo Doãn Đình T, Đặng Vũ H1 và Phạm Xuân V mỗi Bị cáo từ 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Xử phạt Bị cáo Trần Bá Kh và Bị cáo Trần Quang H mỗi Bị cáo từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Bị cáo Trần Bá Kh và Bị cáo Trần Quang H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo Kh và Bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo. Trường hợp các Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo: T, H1, V. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo: H, Kh.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các Bị cáo Doãn Đình T, Đặng Vũ H1, Phạm Xuân V, Trần Quang H và Trần Bá Kh theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 09, 10, 11, 12, 13 ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.150.000 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) là công cụ, phương tiện phạm tội.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu nhựa màu nâu trắng (thu tại nhà Bị cáo V).

4. Các Bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, các Bị cáo: Trần Quang H, Trần Bá Kh, Phạm Xuân V, Doãn Đình T và Đặng Vũ H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; thừa nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của các Bị cáo thống nhất, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Như vậy đã xác định được: Vào hồi 21 giờ 15 phút ngày 01/01/2023, tại nhà riêng của Phạm Xuân V thuộc khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ cơ quan CSĐT - Công an huyện T kiểm tra phát hiện bắt quả tang các đối tượng gồm: Trần Quang H, Trần Bá Kh, Phạm Xuân V, Doãn Đình T và Đặng Vũ H1 có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Sâm”. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 6.150.000 (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu nhựa màu nâu trắng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo đã khai nhận khi tham gia đánh bạc Kh có khoảng 1.900.000VNĐ (một triệu chín trăm nghìn đồng), T có khoảng 1.000.000VNĐ (một triệu đồng), H có khoảng 1.100.000VNĐ (một triệu một trăm

ng nghìn đồng), V có khoảng 1.000.000VNĐ (một triệu đồng), H1 có khoảng 850.000VNĐ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền dùng đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng khai dùng vào việc đánh bạc là 5.850.000VNĐ (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn), khi tham gia đánh bạc các Bị cáo không nhớ rõ cụ thể là mang đi bao nhiêu do vậy giữa lời khai và thực tế số tiền thu giữ tại chiếu bạc chênh 300.000VNĐ (ba trăm nghìn đồng), mặt khác các Bị cáo không chứng minh được cụ thể số tiền của từng người tham gia, vì vậy các Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 6.150.000VNĐ (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) thu trên chiếu bạc.

Các Bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong trạng thái tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng nH vẫn cố ý thực hiện.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của các Bị cáo có tên nêu trên thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015;

Tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nH đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Vụ án tuy là ít nghiêm trọng nH đã có nhiều người tham gia đánh bạc được thua bằng tiền. Hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các Bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các Bị cáo đánh bạc nhiều người nH chỉ là do tự phát, không chuẩn bị phương tiện và phân công nhiệm vụ, cụ thể cho từng người nên không coi là phạm tội có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, Bị cáo V dùng nhà ở của mình để cho các Bị cáo khác đánh bạc, bản thân

Bị cáo cũng tham gia nên Bị cáo V giữ vai trò tích cực hơn, các Bị cáo còn lại có vai trò như nhau trong thực hiện tội phạm.

- Về nhân thân các Bị cáo:

Đối với Bị cáo Trần Quang H: Tại bản án số: 58/2006/HS - ST ngày 31/7/2006, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đã tuyên phạt Trần Quang H số tiền 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”. Ngày 19/8/2008, Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này đã đương nhiên được xóa án tích.

Đối với Bị cáo Trần Bá Kh: Tại bản án số 101/2007/HSST ngày 28/11/2007, Tòa án nhân dân, tỉnh Phú Thọ đã tuyên phạt Trần Bá Kh 14 tháng Cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 3.000.000 VNĐ (ba triệu đồng) về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và hình phạt bổ sung, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này đã đương nhiên được xóa án tích.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các Bị cáo H, Kh, T, V, H1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Các Bị cáo: T, V, H1 lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Bị cáo V, năm 2018 được Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2018 do đó được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Bị cáo H, Kh, T, H1 đều có bố đẻ là người có công với nước được tặng Huân chương kháng chiến; Bằng khen kháng chiến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các Bị cáo T, V, H1 đều có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên quyết định cho các Bị cáo hình phạt tiền trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và cũng là mức thấp

theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp; Bị cáo V phải chịu mức phạt tiền nhiều hơn so với các Bị cáo khác.

Các Bị cáo Kh, H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cần xử các Bị cáo hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định là phù hợp. Tuy nhiên, xem xét về nhân thân và các tình tiết khác thấy rằng: Bị cáo Kh và Bị cáo H đều phạm tội ít nghiêm trọng, có 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo nên không cần cách ly các Bị cáo khỏi xã hội mà cho các Bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi để giáo dục các Bị cáo là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 65 của BLHS năm 2015; quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về Án treo và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về Án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của BLHS năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Đối với các Bị cáo T, V, Kh, do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, nên không áp dụng là hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo.

Đối với các Bị cáo H, Kh, theo kết quả xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thì thấy, các Bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị lớn; thu nhập không ổn định, và nhà đất là tài sản duy nhất được sử dụng chung trong gia đình. Do đó, cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 6.150.000 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), vật chứng thu được tại chiếu bạc là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu nhựa màu nâu trắng thu tại nhà của Bị cáo V, là vật không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo V là Người cao tuổi, tại phiên tòa đã được giải thích về nộp hồ sơ xin miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, Bị cáo V không nộp

hồ sơ đề nghị miễn án phí. Do đó, các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS năm 2015 đối với các Bị cáo Doãn Đình T, Đặng Vũ H1.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS năm 2015 đối với Bị cáo Phạm Xuân V.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015 đối với các Bị cáo Trần Quang H và Trần Bá Kh.

Tuyên bố: Các Bị cáo Doãn Đình T, Đặng Vũ H1, Phạm Xuân V, Trần Quang H và Trần Bá Kh phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp:

- Xử phạt các Bị cáo Doãn Đình T, Đặng Vũ H1 mỗi Bị cáo 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt Bị cáo Phạm Xuân V 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Xử phạt Bị cáo Trần Bá Kh và Bị cáo Trần Quang H mỗi Bị cáo 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Bị cáo Trần Bá Kh và Bị cáo Trần Quang H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo Kh và Bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo. Trường hợp các Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo: T, H1, V. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo: H, Kh.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các Bị cáo Doãn Đình T, Đặng Vũ H1, Phạm Xuân V, Trần Quang H và Trần Bá Kh theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 09, 10, 11, 12, 13 ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.150.000 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu nhựa màu nâu trắng (thu tại nhà Bị cáo V).

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 27/3/2023.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc các Bị cáo V, H1, V, H, Kh mỗi Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi các b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

